

Số: 03/2024/TT-VKSTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên,
Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên,
Cán bộ điều tra, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân**

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2015/UBTVQH13 ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, quản lý, sử dụng đối với: Trang phục; Giấy chứng minh Kiểm sát viên; Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra (gọi chung là Giấy chứng nhận Điều tra hình sự); Giấy chứng nhận Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Việc quản lý, sử dụng trang phục tại Viện kiểm sát quân sự các cấp thực hiện theo quy định về trang phục đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-

CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trong hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, bao gồm:

1. Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh).
4. Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện).
5. Viện kiểm sát quân sự các cấp (đối với việc quản lý, sử dụng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên).

Điều 3. Nguyên tắc

1. Quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn, mục đích và thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân.
2. Chỉ sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên vào mục đích công vụ, nhiệm vụ.
3. Mọi vi phạm trong việc thực hiện Thông tư này phải được phát hiện, xử lý kịp thời, khách quan, đúng quy định của pháp luật và của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 4. Trang phục

1. Trang phục gồm: Trang phục thường dùng và lễ phục.
2. Trang phục thường dùng gồm: Quần, áo xuân hè; quần, áo thu đông; áo khoác chống rét; áo sơ mi dài tay; mũ kêpi; cà vạt; thắt lưng; giày da; bít tất; dép quai hậu; áo mưa; cặp đựng tài liệu; phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân, bộ phù hiệu gắn trên ve áo, bộ cấp hiệu gắn trên vai áo, biển tên theo quy định của pháp luật.
3. Lễ phục gồm: Quần áo lễ phục mùa hè, quần áo lễ phục mùa đông, áo sơ mi dài tay lễ phục mùa đông, mũ kêpi, bộ cánh tùng đơn gắn trên ve áo lễ phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển tên, cuống đeo huân chương theo quy định của pháp luật.

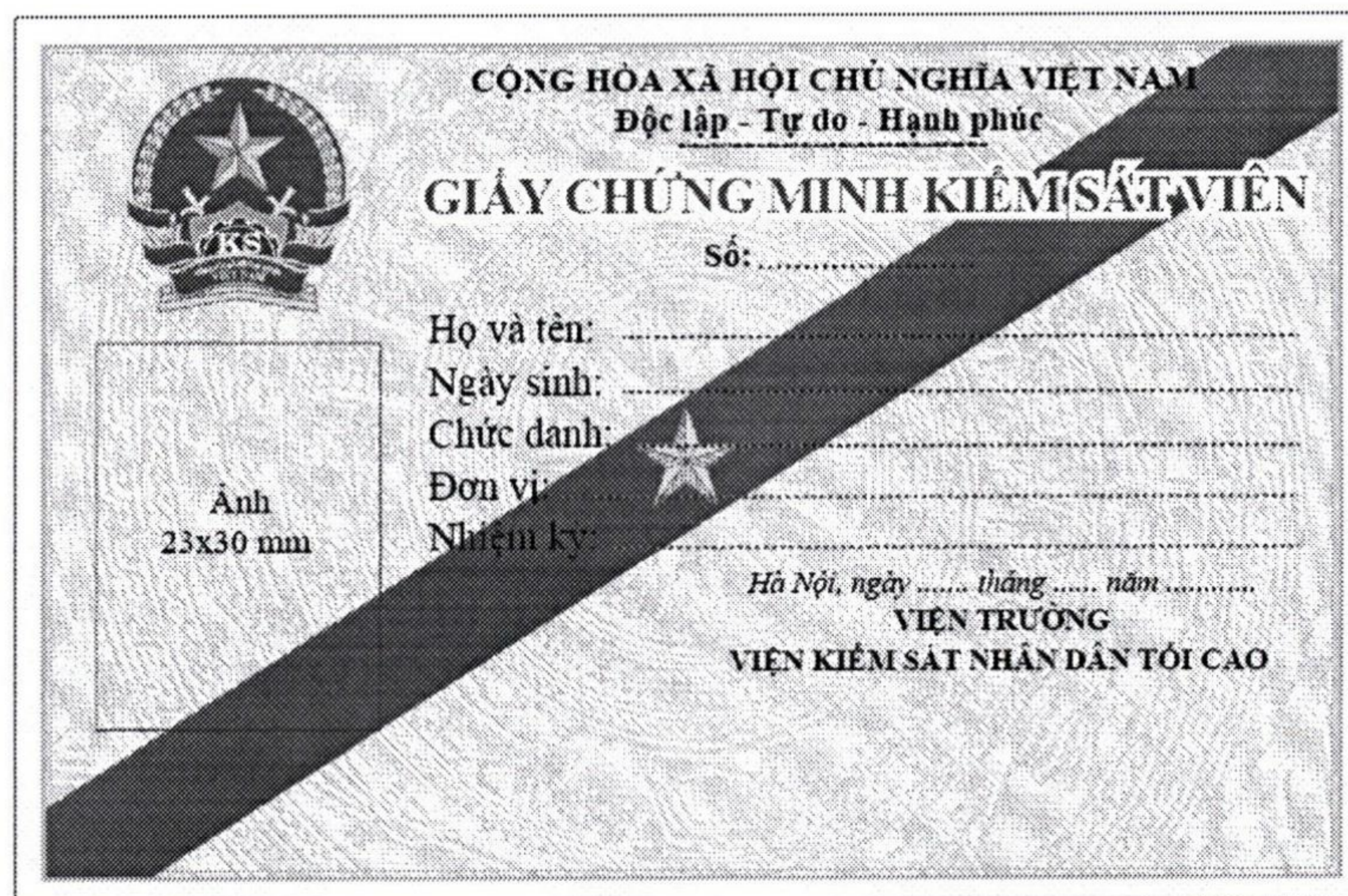
Điều 5. Giấy chứng minh Kiểm sát viên

1. Giấy chứng minh Kiểm sát viên như sau:
 - a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;
 - b) Font chữ: Time New Roman;
 - c) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 19 (hình 1);



Hình 1

d) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; có phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân ở góc trên bên trái; có ảnh chân dung, cỡ 23x30 mm của Kiểm sát viên ở góc dưới bên trái; ở giữa từ trên xuống là các dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 7), Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7), “GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 10); số (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7); thông tin về họ và tên (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 8); ngày, tháng, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác, nhiệm kỳ (chữ thường, cỡ chữ 8); địa danh, ngày, tháng, năm cấp (chữ nghiêng, cỡ chữ 6); chữ ký của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và đóng dấu (hình 2).



Hình 2

2. Các thông tin về người được cấp Giấy chứng minh Kiểm sát viên được in từ phần mềm quản lý nhân sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 6. Giấy chứng nhận Điều tra hình sự

1. Giấy chứng nhận Điều tra hình sự như sau:

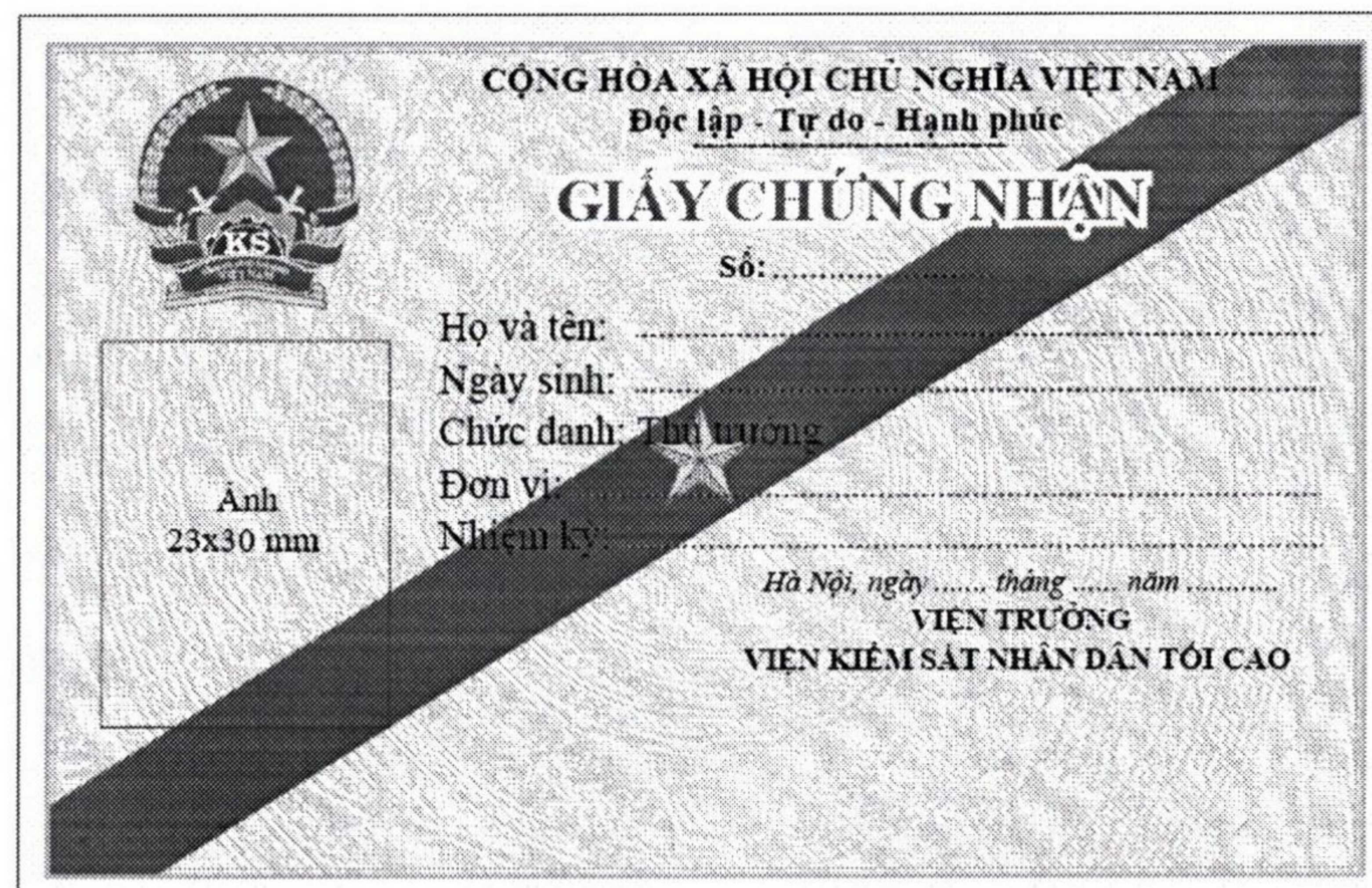
- a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;
- b) Font chữ: Time New Roman;

c) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” màu vàng, in hoa, đậm, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là 02 dòng chữ “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 11; “ĐIỀU TRA HÌNH SỰ” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 19 (hình 1);



Hình 1

d) Mặt sau Giấy chứng nhận Điều tra hình sự cấp cho Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; ở góc trên bên trái có phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân, dưới là ảnh chân dung cỡ 23x30 mm của người được cấp Giấy chứng nhận Điều tra hình sự; ở giữa từ trên xuống là các dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 7), Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7), “GIẤY CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 12); số (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7); thông tin họ và tên (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 8); ngày, tháng, năm sinh, chức danh (gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên cao cấp, Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp), đơn vị công tác, nhiệm kỳ (chữ thường, cỡ chữ 8); địa danh, ngày, tháng, năm cấp (chữ nghiêng, cỡ chữ 6); chữ ký của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và đóng dấu (các hình 2,3,4);



Hình 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Chức danh: Phó Thủ trưởng

Đơn vị:

Nhiệm kỳ:

Ảnh
23x30 mm

Hà Nội, ngày tháng năm

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Hình 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Chức danh: Điều tra viên

Đơn vị:

Nhiệm kỳ:

Ảnh
23x30 mm

Hà Nội, ngày tháng năm

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Hình 4

đ) Mặt sau Giấy chứng nhận Điều tra hình sự cấp cho Cán bộ điều tra: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; ở góc trên bên trái có phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân, dưới là ảnh chân dung cỡ 23x30 mm của Cán bộ điều tra; ở giữa từ trên xuống là các dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 7), Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7), “GIẤY CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 12); số (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7); thông tin họ và tên (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 8); ngày, tháng, năm sinh, chức danh (Cán bộ điều tra), đơn vị công tác (chữ thường, cỡ chữ 8); địa danh, ngày, tháng, năm cấp (chữ nghiêng, cỡ chữ 6); chữ ký của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và đóng dấu (hình 5).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Chức danh: Cán bộ điều tra

Đơn vị:

Hà Nội, ngày tháng năm

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Ảnh
23x30 mm

Hình 5

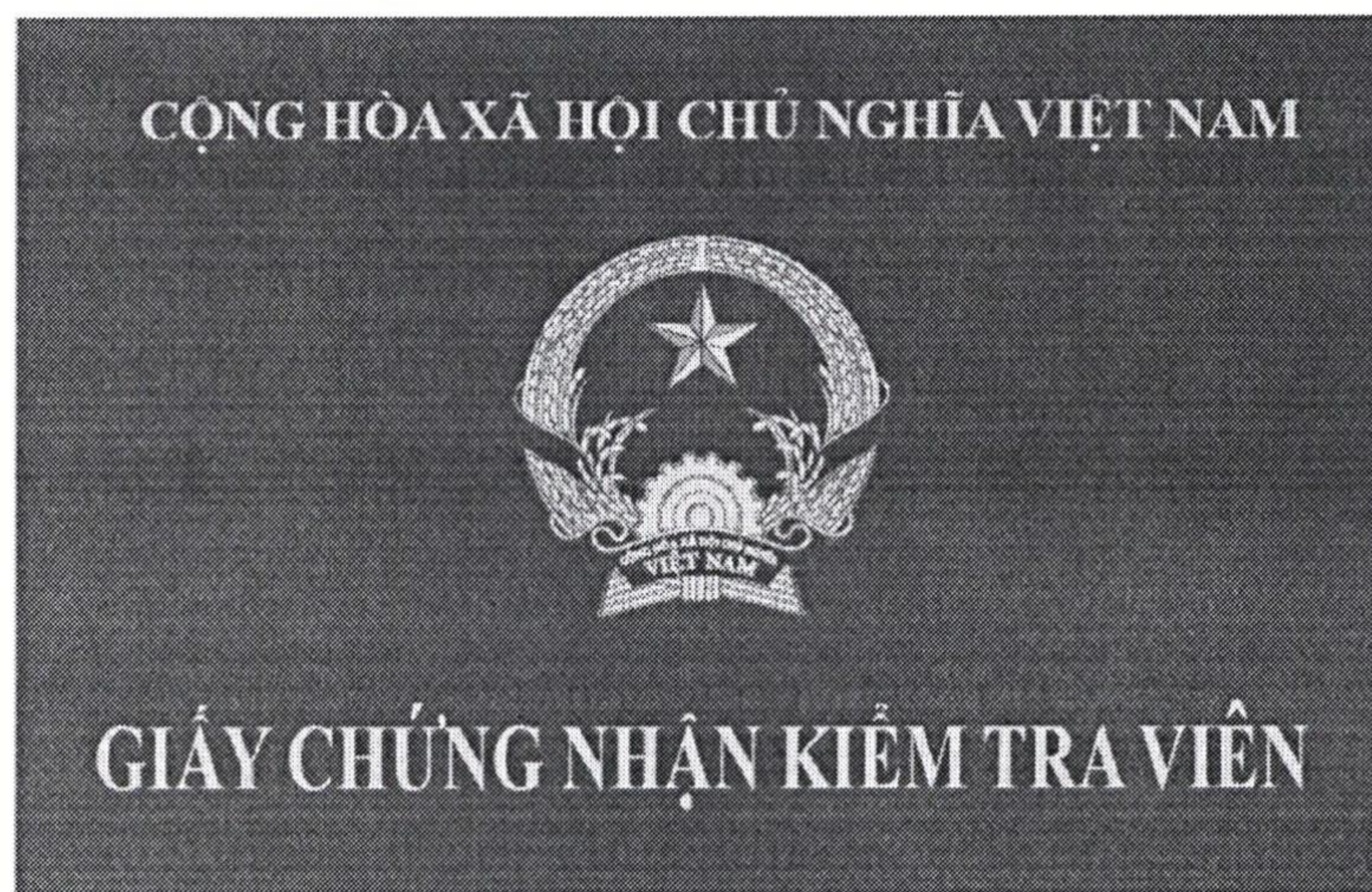
2. Các thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận Điều tra hình sự được in từ phần mềm quản lý nhân sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 7. Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Giấy chứng nhận Kiểm tra viên như sau:

- a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;
- b) Font chữ: Time New Roman;

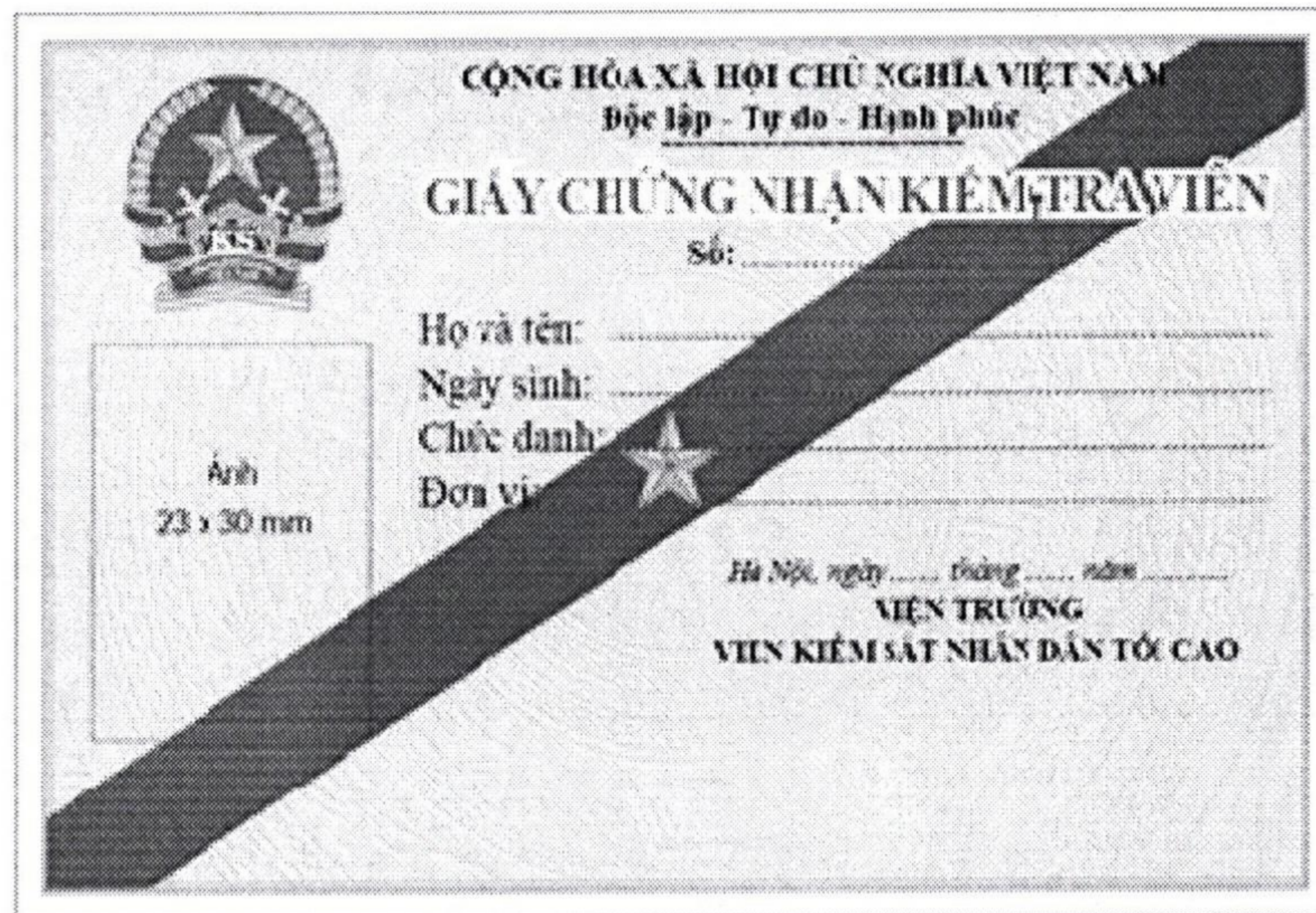
c) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA VIÊN” màu vàng, chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 19 (hình 1);



Hình 1

d) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; có phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân ở góc trên bên trái; có ảnh chân dung, cỡ 23x30 mm của Kiểm tra viên ở góc dưới bên trái; ở giữa từ trên xuống là các dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 7), Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7), “GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA VIÊN” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 10); số (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7); thông tin về họ và tên (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 8); ngày, tháng, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác (chữ thường, cỡ chữ 8); địa danh, ngày, tháng, năm cấp (chữ nghiêng, cỡ chữ 6); chữ ký của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và đóng dấu (hình 2).



Hình 2

2. Các thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận Kiểm tra viên được in từ phần mềm quản lý nhân sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG PHỤC, GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ, GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA VIÊN

Điều 8. Cơ quan, người có thẩm quyền cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi trang phục đối với công chức, người lao động công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi trang phục đối với công chức, người lao động công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trực thuộc theo quy định.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền:

a) Cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng minh Kiểm sát viên của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Kiểm sát viên các ngạch theo quy định của pháp luật;

b) Cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận Điều tra hình sự của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên các ngạch và Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương theo quy định của pháp luật;

c) Cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận Kiểm tra viên của Kiểm tra viên các ngạch thuộc Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Việc cấp mới, cấp đổi, cấp lại trang phục cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Kiểm sát nhân dân như sau:

a) Cấp mới trang phục cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi được bầu, tuyển dụng, tiếp nhận làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân và cấp mới trang phục theo niên hạn theo quy định;

b) Cấp đổi phù hiệu, cấp hiệu, biển tên cho các trường hợp thay đổi chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

c) Cấp lại phù hiệu, cấp hiệu, biển tên cho các trường hợp bị mất hoặc bị hỏng.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ nhiệm thay đổi chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có hiệu lực, ngày nhận được văn bản giải trình của công chức, viên chức, người lao động (đối với trường hợp phù hiệu, cấp hiệu, biển tên bị mất hoặc bị hỏng) thì Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này hoặc đơn vị được giao cấp, phát xem xét cấp đổi, cấp lại cho công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý.

3. Việc cấp đổi, cấp lại phù hiệu, cấp hiệu, biển tên được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, phù hiệu, cấp hiệu, biển tên cũ (đối với trường hợp cấp đổi nộp tại thời điểm cấp) và văn bản giải trình của công chức, viên chức, người lao động (đối với trường hợp cấp lại).

4. Việc cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên cho các chức danh tư pháp như sau:

a) Cấp mới cho các trường hợp được bổ nhiệm lần đầu;

b) Cấp đổi cho các trường hợp thay đổi chức danh tư pháp, bổ nhiệm lại chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác;

c) Cấp lại cho các trường hợp bị mất hoặc bị hỏng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thay đổi chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác có hiệu lực; ngày nhận được văn bản giải trình của công chức (đối với trường hợp Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên bị mất hoặc bị hỏng), Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên cho công chức thuộc quyền quản lý.

6. Việc cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và thông tin của công chức được cập nhật đầy đủ, chính xác trong phần mềm quản lý nhân sự.

7. Hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên gồm:

a) Văn bản và danh sách (theo Phụ lục số 01) đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quyết định thay đổi đơn vị công tác. Trường hợp đề nghị cấp đổi do bổ nhiệm lại, thay đổi chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác thì còn phải nộp Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên cũ; cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên đã được cấp thì còn phải có đơn xin cấp lại, văn bản giải trình và nộp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên cũ đối với trường hợp bị hỏng;

b) 02 ảnh màu kiểu chân dung, cỡ 23mm x 30 mm (ảnh trung thực rõ nét, phong ảnh màu xanh nước biển, trang phục thường dùng thu đông, thắt cà vạt, đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển tên theo quy định và không đội mũ kêpi) dán theo biểu mẫu (Phụ lục số 01 kèm theo).

Điều 10. Trình tự, thủ tục thu hồi phù hiệu, cấp hiệu, biển tên, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Khi chuyển ngành, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, từ chức, cách chức, miễn nhiệm, buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9, trường hợp bị hỏng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 và các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9, trường hợp bị hỏng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Thông tư này thì công chức, viên chức, người lao động phải nộp lại phù hiệu, cấp hiệu, biển tên, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận

Kiểm tra viên cho Thủ trưởng đơn vị. Trường hợp nghỉ hưu chỉ nộp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên.

2. Thời hạn thu hồi phù hiệu, cấp hiệu, biển tên, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên đối với các trường hợp chuyển ngành, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, từ chức, cách chức, miễn nhiệm, buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư này được thu hồi trước hoặc cùng thời điểm quyết định có hiệu lực pháp luật; trường hợp bị hỏng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Thông tư này được thu hồi cùng thời điểm đề nghị cấp đổi.

Trường hợp thay đổi chức danh tư pháp, thay đổi đơn vị công tác, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 và trường hợp bị hỏng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này thì nộp lại cùng thời điểm được cấp đổi phù hiệu, cấp hiệu, biển tên.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (đơn vị được giao cấp phát, quản lý trang phục); Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này có trách nhiệm thu hồi phù hiệu, cấp hiệu, biển tên để lưu và tiêu hủy theo quy định.

4. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên và gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để lưu và tiêu hủy theo quy định.

Điều 11. Sử dụng trang phục thường dùng

Công chức, viên chức, người lao động trong giờ làm việc hoặc khi thực hiện nhiệm vụ phải sử dụng trang phục ngành Kiểm sát nhân dân đồng bộ, thống nhất như sau:

1. Mùa hè: Mặc quần áo xuân hè, áo để ngoài quần, đeo phù hiệu, cấp hiệu, đeo biển tên ở ngực áo bên phải và mang giày, bít tất hoặc dép quai hậu được cấp. Mùa đông: Mặc quần áo thu đông, áo sơ mi phải để trong quần, đeo thắt lưng, thắt cà vạt, đeo phù hiệu, cấp hiệu, đeo biển tên ở ngực áo bên phải và mang giày, bít tất được cấp theo đúng quy định.

2. Công chức, viên chức, người lao động công tác tại các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra phía Bắc sử dụng trang phục theo mùa: Mặc trang phục xuân hè từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm, mặc trang phục thu đông từ ngày 01 tháng 11 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau. Công chức, viên chức, người lao động các đơn vị từ thành phố Đà Nẵng trở vào các tỉnh phía Nam mặc trang phục xuân hè.

3. Trong thời gian giao mùa giữa mùa hè và mùa đông, 15 ngày trước và sau ngày 01/4 và 01/11 hàng năm, việc mặc trang phục thu đông hoặc xuân hè do Thủ trưởng cơ quan quyết định. Ngoài khoảng thời gian nêu trên, những địa phương có thời tiết trong ngày khác nhau, căn cứ dự báo thời tiết của cơ quan khí tượng thủy văn, nếu nhiệt độ trong ngày dưới 20°C thì mặc trang phục thu đông, nếu nhiệt độ từ 20°C trở lên thì mặc trang phục xuân hè; khi sinh hoạt tập trung (tham dự hội nghị, cuộc họp...) việc thống nhất mặc trang phục xuân hè hoặc thu đông do Thủ trưởng cơ quan quyết định.

Điều 12. Sử dụng lễ phục

1. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng lễ phục ngành Kiểm sát nhân dân đồng bộ, thống nhất từ quần, áo, cà vạt, thắt lưng, giày, bút tất khi tham dự:

a) Lễ mít tinh kỷ niệm do Đảng, Nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức;

b) Đại hội đảng toàn quốc, họp Quốc hội;

c) Lễ đón nhận huân, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Lễ tang cấp nhà nước;

đ) Lễ công bố và trao quyết định bổ nhiệm chức vụ, chức danh tư pháp (đối với người được bổ nhiệm).

2. Việc sử dụng lễ phục trong từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các trường hợp cụ thể khác do Trưởng ban tổ chức hội nghị hoặc Thủ trưởng cơ quan quyết định.

3. Khi sử dụng lễ phục được đeo huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu của Đảng, Nhà nước, của Ngành và những huân chương, huy chương, kỷ niệm chương nước ngoài tặng được Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho phép đeo.

Huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu được đeo ở ngực áo bên trái theo thứ tự hạng bậc cao đến hạng bậc thấp, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

Điều 13. Sử dụng mũ kêpi

1. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng mũ kêpi trong các trường hợp sau:

a) Kiểm sát khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kiểm sát cưỡng chế thi hành án, kê biên tài sản, kiểm sát nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam (nếu xét thấy cần thiết);

b) Trong trường hợp sử dụng lễ phục quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

2. Các trường hợp cụ thể khác do Thủ trưởng cơ quan hoặc Trưởng ban tổ chức hội nghị quyết định.

Điều 14. Những trường hợp không phải sử dụng trang phục

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong giờ làm việc hoặc khi thực hiện nhiệm vụ không phải sử dụng trang phục:

1. Do yêu cầu công tác, tiếp khách quốc tế, hội thảo quốc tế hoặc tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội.

2. Nữ công chức, viên chức, người lao động trong thời gian mang thai đến khi sinh con được 12 tháng tuổi, trừ trường hợp khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định phải sử dụng trang phục.

3. Công chức, viên chức, người lao động mới được tuyển dụng, tiếp nhận chưa được cấp trang phục.

Điều 15. Quản lý, sử dụng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Chỉ sử dụng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên trong khi thi hành nhiệm vụ theo quy định; nghiêm cấm làm giả, sửa chữa, cho mượn, cầm cố hoặc giữ lại khi không còn quyền sử dụng; khi bị mất hoặc bị hỏng phải báo cáo ngay để thủ trưởng đơn vị kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên.

2. Không sử dụng Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên thay giấy giới thiệu, căn cước công dân và các loại giấy tờ tùy thân khác vào việc riêng hoặc việc trái pháp luật.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, lập dự toán kinh phí bảo đảm việc cấp, phát trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên.

2. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức và phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm việc cấp và quản lý trang phục thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thực hiện việc cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân; phối hợp với Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Kế hoạch - Tài chính, Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc quản lý, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Thông tư này.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh,

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên theo quy định Thông tư này.

Điều 17. Kiểm tra, thanh tra

1. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra, thanh tra việc sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất việc sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên thuộc phạm vi, đối tượng quản lý theo quy định.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra hình sự, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên bị nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm, thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị; tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.
2. Bãi bỏ Thông tư số 01/2015/TT-VKSTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân và Công văn số 4063/VKSTC-V15 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

hướng dẫn thực hiện việc quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ủy ban pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Đơn vị thuộc VKSND tối cao;
- VKSQS trung ương;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Đảng ủy, Công đoàn VKSND tối cao;
- Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao (để đăng tin);
- Lưu: VT, Vụ 15.

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

 **Nguyễn Huy Tiến**

ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN/GIẤY CHỨNG NHẬN.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03 /2024/TT-VKSTC ngày 23/10 /2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Stt	Họ và tên	Sinh ngày		Chức vụ/chức danh	Đơn vị	Quyết định bổ nhiệm/thay đổi	Nhiệm kỳ	Ảnh (23x30 mm)		Ghi chú
		Nam	Nữ					Ảnh 1	Ảnh 2	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
.....										

Ghi chú:

- Mục (7): Ghi QĐ số:...../QĐ-VKSTC ngàycó hiệu lực. Ví dụ: QĐ số 01/QĐ-VKSTC ngày 01/01/2023;
- Mục (8): Ghi nhiệm kỳ công tác. Trường hợp không đủ nhiệm kỳ thì ghi năm nghỉ hưu; bỏ trống mục này đối với chức danh Kiểm tra viên và Cán bộ điều tra;
- Mục (11): Nêu rõ bổ nhiệm mới/bổ nhiệm lại/bị mất hoặc bị hỏng/thay đổi đơn vị công tác (điều động...) hoặc lý do khác (nếu có).